

Số: 125/STC-QLNS

Lạng Sơn, ngày 20 tháng 01 năm 2020

Về việc hướng dẫn công tác khóa sổ và thực hiện quyết toán ngân sách nhà nước năm 2019.

Kính gửi:

- Các đơn vị dự toán khối tỉnh;
- Phòng Tài chính – Kế hoạch các huyện, thành phố.

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Thực hiện Công văn số 15391 /BTC-KBNN ngày 11/12/2018 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn xử lý chuyển nguồn ngân sách cuối năm 2018 sang 2019 và các năm sau.

Căn cứ công văn số 7392/BTC-KBNN ngày 25/12/2019 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công tác khóa sổ kế toán niên độ 2019 trên TABMIS;

Để công tác khóa sổ kế toán niên độ 2019 và công tác quyết toán ngân sách năm 2019 đảm bảo kịp thời theo đúng thời gian quy định. Ngoài việc thực hiện các nội dung theo hướng dẫn tại Công văn 7392/BTC-KBNN ngày 25/12/2019 của Bộ Tài chính (gửi kèm công văn này trên hệ thống eoffice để nghiên cứu thực hiện). Trong quá trình tổng hợp, báo cáo, Sở Tài chính thống nhất thực hiện một số nội dung như sau:

1. Đối chiếu số liệu phục vụ khóa sổ kế toán 2019

- Kiểm tra, rà soát toàn bộ dự toán cấp 0, **dự toán của các đơn vị dự toán**, đơn vị sử dụng ngân sách thuộc trách nhiệm phòng Tài chính – Kế hoạch nhập, đảm bảo số liệu khớp đúng với quyết định giao dự toán của Ủy ban nhân dân cấp huyện giao cho đơn vị vào TABMIS (bao gồm dự toán giao đầu năm, dự toán giao bổ sung trong năm từ các nguồn tăng thu, dự phòng và dự toán chi ngân sách cho các lĩnh vực chưa phân bổ đầu năm; dự toán điều chỉnh trong năm; dự toán tạm ứng; dự toán ứng trước ngân sách năm sau; nguồn dự toán năm trước chuyển sang). Phối hợp với các đơn vị dự toán kiểm tra , rà soát dự toán cấp trung gian của các đơn vị (cấp 1, 2, 3) thuộc ngân sách huyện với số liệu trên hệ thống TABMIS (nếu có).

- Rà soát, kiểm tra toàn bộ các khoản thu điều tiết ngân sách đã được KBNN hạch toán, đảm bảo đúng theo quy định tại Quyết định số 50a/2016/QĐ-UBND ngày 22/12/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ban hành quy định phân cấp

nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa ngân sách các cấp ở địa phương; tỷ lệ phần trăm (%) phân chia khoản thu giữa ngân sách các cấp năm 2017 và thời kỳ ổn định ngân sách 2017 – 2020.

- Kiểm tra, đối chiếu số liệu chi ngân sách nhà nước bằng lệnh chi tiền (bao gồm chi bằng Lệnh chi tiền kiểm soát dự toán, tạm ứng, ứng trước không kiểm soát dự toán).

- Rà soát số dự toán thu bổ sung từ ngân sách cấp trên (chi tiết số đã giao, số đã rút dự toán, số dư dự toán còn lại), chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới (đảm bảo khớp đúng giữa báo cáo Tabmis, số của Sở Tài chính thông báo và số của đơn vị theo dõi).

- Phối hợp với các đơn vị liên quan xử lý các tài khoản tạm thu, tạm giữ theo quy định.

- Phối hợp với Kho bạc nhà nước hướng dẫn các đơn vị sử dụng ngân sách rà soát, đối chiếu, điều chỉnh số dư dự toán ngân sách, số dư tài khoản tiền gửi, dư tạm ứng chi tiết theo từng nguồn: đầu tư, thường xuyên, chuyên giao, khác.... đảm bảo khớp giữa số liệu đã hạch toán trên hệ thống tabmis với số liệu theo dõi của cơ quan tài chính.

- Thực hiện thẩm định quyết toán đối với các đơn vị dự toán theo quy định tại Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính.

- Đối chiếu kiểm tra, rà soát và xử lý các giao dịch dở dang trên hệ thống tabmis đảm bảo số liệu chính xác phục vụ công tác đối chiếu với KBNN khi thực hiện khóa sổ kế toán và quyết toán niên độ năm 2019.

2. Về công tác khóa sổ kế toán và xử lý kinh phí cuối năm 2019

Việc xử lý thu, chi ngân sách nhà nước cuối năm được thực hiện theo quy định tại Điều 64 Luật Ngân sách nhà nước, Điều 43 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật NSNN, Điều 26 Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật NSNN. Trong đó chú ý:

2.1. Xử lý số dư tài khoản tiền gửi của đơn vị sử dụng ngân sách tại Kho bạc nhà nước: Số dư tài khoản tiền gửi ngân sách cấp của đơn vị dự toán mở tại Kho bạc Nhà nước đến cuối ngày 31/12/2019 được tiếp tục thanh toán theo quy định trong thời gian chỉnh lý quyết toán. Đến hết thời gian chỉnh lý quyết toán mà vẫn còn dư thì phải nộp trả ngân sách nhà nước; trừ trường hợp được chuyển nguồn sang năm 2020 theo quy định tại Khoản 4.1 Mục 4 phần II của Công văn số 7392 /BTC-KBNN ngày 25 /12/2019 của Bộ Tài chính. Số dư tài khoản tiền gửi của xã (nếu có) được chuyển sang ngân sách năm 2020 sử dụng theo chế độ quy định. Số dư tài khoản tiền gửi không thuộc ngân sách nhà nước cấp, được chuyển sang năm 2020 sử dụng theo quy định của pháp luật.

2.2. Xử lý các khoản tạm ứng: thực hiện theo quy định tại điểm 5, Điều 26 Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính.

2.3. Xử lý số dư dự toán ngân sách:

+ Cơ quan tài chính cấp tỉnh, cấp huyện thực hiện rà soát, kiểm tra số dư dự toán của các đơn vị sử dụng ngân sách đối với số dư toán giao đầu năm chưa sử dụng hết sau ngày 31/12/2019 được đề tiếp tục thanh toán hết ngày 31/01/2020 cho các nhiệm vụ đã có khối lượng, công việc thực hiện đến ngày 31/12/2019 và hạch toán, quyết toán vào ngân sách năm 2019.

- Các khoản dự toán chưa thực hiện hoặc chưa chi hết, các khoản đã tạm ứng trong dự toán, số dư tài khoản tiền gửi ngân sách cấp, hết thời gian chỉnh lý quyết toán (ngày 31 tháng 01 năm 2020) chưa thực hiện hoặc chưa sử dụng hết, được chuyển sang năm 2020 tiếp tục sử dụng, gồm:

a) Chi đầu tư phát triển thực hiện chuyển sang năm sau theo quy định

- Thời gian thực hiện và giải ngân vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm thực hiện theo quy định tại Điều 64 Luật NSNN, Điều 76 Luật Đầu tư công, Khoản 5 Điều 1 Nghị định số 120/2018/NĐ-CP ngày 13/09/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 09 năm 2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm, số 136/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư công và số 161/2016/NĐ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020 (Nghị định số 120/2018/NĐ-CP ngày 13/09/2018), Khoản 4 Điều 56n Nghị định số 132/2018/NĐ-CP 01/10/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 16/2016/ NĐ-CP ngày 16 tháng 3 năm 2016 về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài (Nghị định số 132/2018/NĐ-CP 01/10/2018).

- Việc xác định khoản vốn vay ngoài nước đã nhận nợ chưa giải ngân được chuyển nguồn sang năm 2020 thực hiện theo Công văn số 1513/KBNN-KTNN ngày 29/3/2019 của KBNN về việc xác định số tiền Chính phủ đã nhận nợ nhưng chưa giải ngân vốn ODA và vốn vay ưu đãi nước ngoài được chuyển nguồn cuối năm 2018 sang năm 2019 và các năm sau, Công văn số 3626/KBNN-KTNN ngày 22/7/2019 của KBNN về việc hướng dẫn hạch toán chuyển nguồn năm ngân sách 2018 đối với vốn ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài. Chậm nhất đến hết ngày 31/03 năm 2020, chủ đầu tư đối chiếu, xác nhận với KBNN nơi giao dịch số liệu ghi thu, ghi chi vốn vay ODA theo Mẫu biểu số 01/ODA ban hành kèm theo Quyết định số 2906/QĐ-KBNN ngày 15/6/2018 của Tổng Giám đốc KBNN về việc ban hành Quy trình kiểm soát chi, ghi thu ghi chi nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài.

- Đối với dự án sử dụng vốn NSNN, vốn công trái quốc gia, vốn trái phiếu Chính phủ, vốn trái phiếu chính quyền địa phương, thời gian giải ngân kế hoạch

đầu tư công hàng năm được kéo dài đến hết ngày 31 tháng 12 năm sau năm kế hoạch. Trường hợp đặc biệt, Thủ tướng Chính phủ quyết định việc kéo dài thời gian giải ngân kế hoạch đầu tư công hàng năm của từng dự án sang các năm sau, nhưng không quá thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công trung hạn theo quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều 76 Luật Đầu tư công. Phần vốn nước ngoài đã được bố trí trong kế hoạch đầu tư công hàng năm và đã được chính phủ Việt Nam nhận nợ nhưng chưa giải ngân, thời gian thực hiện và giải ngân được kéo dài đến hết ngày 31 tháng 12 năm sau năm kế hoạch.

- Đối với số dư tạm ứng chi đầu tư theo chế độ chưa thu hồi, được chuyển sang ngân sách năm sau để thu hồi tạm ứng theo quy định tại Thông tư số 85/2017/TT-BTC ngày 15/08/2017 của Bộ Tài chính quy định việc quyết toán tình hình sử dụng vốn đầu tư nguồn NSNN theo niên độ ngân sách hằng năm.

- Về quy trình và thủ tục kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công hàng năm vốn ngân sách trung ương (NSTW), vốn công trái quốc gia, vốn trái phiếu Chính phủ, vốn vay ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài quy định tại Tiết 4 Khoản 5 Điều 1 Nghị định số 120/2018/NĐ-CP ngày 13/09/2018.

Lưu ý:

(1) *Kinh phí chi đầu tư phát triển bao gồm cả nguồn kinh phí bổ sung từ dự phòng ngân sách, tăng thu, tiết kiệm chi (không bao gồm nguồn kinh phí để thực hiện sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất theo Thông tư 92/2017/TT-BTC ngày 18/09/2017 của Bộ Tài chính quy định về lập dự toán, phân bổ và quyết toán kinh phí để thực hiện sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất);*

(2) *Đối với vốn ngoài nước áp dụng cơ chế tài chính trong nước, xử lý tương tự như vốn trong nước;*

b) Chi mua sắm trang thiết bị đã có đầy đủ hồ sơ, hợp đồng mua sắm trang thiết bị ký trước ngày 31/12/2019; chi mua tăng, mua bù hàng dự trữ quốc gia:

- Về nội dung trang thiết bị tại cơ quan, tổ chức, đơn vị: Thực hiện theo quy định tại Điều 3, Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức, sử dụng máy móc, thiết bị.

- Căn cứ đối chiếu, xác nhận, chuyển nguồn mua sắm trang thiết bị sang năm 2020 cho đơn vị:

Đơn vị gửi KBNN nơi giao dịch trước ngày 10 tháng 2 năm 2020:

+ Quyết định phê duyệt dự toán mua sắm;

+ Hợp đồng mua sắm trang thiết bị ký trước ngày 31/12/2019 và còn thời hạn thực hiện thanh toán để làm căn cứ đối chiếu, xác nhận, chuyển nguồn sang năm 2020 cho đơn vị.

Lưu ý:

+ Trong quá trình thực hiện dự án mua sắm trang thiết bị có thể gồm nhiều thành phần (mua thiết bị, tư vấn giám sát, mua phần mềm, sửa chữa, lắp đặt chạy thử, chi phí quản lý dự án...) để thực hiện cùng dự án trong giai đoạn được phê duyệt, và có thể có những nội dung chi không có hợp đồng thì phải đảm bảo các nội dung này đều là phục vụ hợp đồng chính về mua sắm trang thiết bị, hợp đồng ký trước ngày 31/12/2019 và còn thời hạn thực hiện thanh toán, thì được chuyển nguồn sang năm 2020.

c) Nguồn thực hiện chính sách tiền lương, trợ cấp, phụ cấp ưu đãi hàng tháng, trợ cấp một lần và các khoản tính theo tiền lương cơ sở, bảo trợ xã hội.

Nguồn thực hiện chính sách tiền lương được bố trí trong dự toán NSNN bao gồm: (1) Nguồn tiết kiệm 10% chi thường xuyên; (2) Các nguồn thực hiện cải cách tiền lương năm trước còn dư; (3) Nguồn thực hiện chính sách tiền lương bố trí dự toán ngân sách năm 2019; (4) 50% tăng thu ngân sách địa phương năm 2019 không kể tăng thu từ nguồn thu sử dụng đất, thu từ hoạt động xổ số kiến thiết, được theo dõi mã nguồn 14- Kinh phí thực hiện chính sách tiền lương.

Nguồn kinh phí chi trợ cấp, phụ cấp ưu đãi hàng tháng và trợ cấp một lần đối với người có công (theo quy định tại Tiết c, Khoản 1 Điều 43 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP của Chính phủ ngày 21/12/2016) được theo dõi mã nguồn 17- Kinh phí thực hiện chính sách ưu đãi người có công với cách mạng.

d) Kinh phí được giao tự chủ (bao gồm cả kinh phí khoán chi quản lý tài chính) của các đơn vị sự nghiệp công lập và các cơ quan nhà nước theo chế độ quy định và theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ; các khoản viện trợ không hoàn lại đã xác định cụ thể nhiệm vụ chi:

Nguồn kinh phí được giao tự chủ được theo dõi mã nguồn 13 - Kinh phí được giao tự chủ.

Các khoản viện trợ không hoàn lại đã xác định cụ thể nhiệm vụ chi, gồm cả: số dư tại các đơn vị được giao, số dư tạm ứng ở cấp ngân sách theo chế độ quy định đã làm thủ tục xác nhận viện trợ, được chuyển nguồn sang năm 2020.

đ) Các khoản dự toán được cấp có thẩm quyền bổ sung từ cấp ngân sách sau ngày 30/09/2019, không bao gồm các khoản bổ sung do các đơn vị dự toán cấp trên điều chỉnh dự toán đã giao của các đơn vị dự toán trực thuộc:

Các khoản dự toán được cấp có thẩm quyền bổ sung sau ngày 30/09/2019, nguồn không tự chủ được theo dõi mã nguồn 15 - Kinh phí không tự chủ được cấp có thẩm quyền bổ sung sau ngày 30/9.

Lưu ý:

+ Dự toán ngân sách giao cho đơn vị được theo dõi mã nguồn 15 - Kinh phí không tự chủ được cấp có thẩm quyền bổ sung sau ngày 30/9, đến hết ngày 31/01/2019 chưa sử dụng hoặc sử dụng chưa hết được chuyển sang năm 2020 và điều chỉnh sang mã nguồn 12- Kinh phí không giao tự chủ, không giao khoán.

+ Khoản dự toán được cấp có thẩm quyền bổ sung từ cấp ngân sách được thể hiện trong văn bản của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính đối với đơn vị thuộc ngân sách trung ương; văn bản của Ủy ban nhân dân, CQTC đối với đơn vị thuộc ngân sách địa phương (không phải từ quyết định giao dự toán của Đơn vị dự toán cấp I).

e) Kinh phí nghiên cứu khoa học (thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ) bố trí cho các đề tài, dự án nghiên cứu khoa học được cấp có thẩm quyền quyết định đang trong thời gian thực hiện.

Đơn vị quản lý kinh phí nghiên cứu khoa học và công nghệ còn phải chi kinh phí cho các dự án, đề án đang trong thời gian thực hiện, gửi KBNN nơi giao dịch trước ngày 10 tháng 2 năm 2020: Văn bản giao nhiệm vụ nghiên cứu khoa học của cấp có thẩm quyền còn thời hạn thực hiện.

Khoản kinh phí này được theo dõi mã nguồn 16 - Kinh phí nghiên cứu khoa học.

Lưu ý: Kinh phí nghiên cứu khoa học thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ được bố trí từ mã Loại 100-Khoa học và công nghệ theo Thông tư số 324/2016/TT-BTC ngày 21/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định hệ thống Mục lục NSNN (các dự án triển khai phổ biến ứng dụng khoa học không thuộc quy định tại điểm này).

g) Các khoản tăng thu, tiết kiệm chi được sử dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 59 của Luật NSNN được cấp có thẩm quyền quyết định cho phép sử dụng vào năm 2020.

- Số dư dự toán của đơn vị sử dụng ngân sách đến hết ngày 31/01/2020 sẽ bị hủy bỏ, trừ trường hợp được chuyển sang ngân sách năm sau chi tiếp theo quy định tại Khoản 4.1 Mục 4 phần II của Công văn số 7392/BTC-KBNN ngày 25/12/2019 của Bộ Tài chính. Đối với số dư dự toán cấp 0 được chuyển sang năm sau chi tiếp theo chế độ quy định, hoặc theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền: Cơ quan tài chính cấp tỉnh, cấp huyện có trách nhiệm phiên mã loại, khoản từ năm 2019 sang năm 2020 theo Phụ lục II – Danh mục mã Loại – Khoản (ban hành kèm theo Thông tư số 324/2016/TT-BTC ngày 21/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định hệ thống Mục lục ngân sách nhà nước).

- Việc sử dụng vốn, kinh phí bổ sung có mục tiêu phải theo đúng mục tiêu quy định. Trường hợp ngân sách cấp dưới sử dụng không đúng mục tiêu hoặc sử dụng không hết, phải hoàn trả ngân sách cấp trên.

3. Về thực hiện chuyển nguồn ngân sách

Đề nghị các đơn vị thực hiện đúng nguyên tắc chung để việc chuyển nguồn đảm bảo đúng nội dung theo quy định, trong đó chú ý thủ tục, trình tự, thời hạn xem xét chuyển nguồn đối với trường hợp được chuyển nguồn sang năm 2020 theo quy định.

Phòng Tài chính – Kế hoạch các huyện, thành phố thực hiện rà soát số dư dự toán, các nhiệm vụ chi để thực hiện chuyển nguồn ngân sách (đối với ngân sách cấp huyện, thành phố). Hướng dẫn Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn thực hiện chi chuyển nguồn (đối với ngân sách cấp xã, phường, thị trấn), hạn chế chuyển nguồn những nhiệm vụ chi không đúng quy định.

Đối với các đơn vị dự toán cấp I thuộc khối tỉnh có trách nhiệm rà soát, đối chiếu, kiểm tra tổng hợp số liệu chuyển nguồn các đơn vị trực thuộc đối với nhiệm vụ chi được phép chuyển nguồn, lập bảng đối chiếu, xác nhận với Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch về số dư dự toán, số dư tạm ứng và số dư trên tài khoản tiền gửi ngân sách cấp (nếu có), kèm theo tài liệu liên quan, để thực hiện chuyển nguồn sang năm 2020. Đối với số dư tạm ứng còn lại không được chuyển nguồn sang năm sau, đơn vị sử dụng ngân sách phải nộp lại ngân sách trước ngày 10 tháng 02 năm sau theo quy định.

Không chuyển nguồn ngân sách sang năm sau đối với các nội dung không đúng quy định.

4. Công tác quyết toán của các huyện thành phố

Căn cứ các văn bản hướng dẫn, quy định về quyết toán ngân sách nhà nước, phòng Tài chính - Kế hoạch thực hiện hướng dẫn các đơn vị trực thuộc và Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn lập báo cáo quyết toán đảm bảo thời hạn gửi báo cáo và thời hạn phê chuẩn quyết toán đối với cấp xã, cấp huyện theo quy định tại Quyết định số 03/2018/QĐ-UBND ngày 20/01/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn. Trên cơ sở báo cáo quyết toán các đơn vị và các xã, phường, thị trấn, cơ quan Tài chính thực hiện xét duyệt, thẩm định báo cáo quyết toán các đơn vị, các xã, thị trấn theo đúng quy định tại Thông tư số 137/2017/TT-BTC ngày 25/12/2017 của Bộ Tài chính, quy định xét duyệt, thẩm định, thông báo và tổng hợp quyết toán năm; quyết định số 554/QĐ-BTC ngày 20/4/2018 của Bộ Tài chính về đính chính Thông tư số 137/2017/TT-BTC ngày 25/12/2017 của Bộ Tài chính và tổng hợp báo cáo quyết toán ngân sách địa phương mình.

5. Đối với báo cáo quyết toán thu, chi NSNN năm 2019

Để đảm bảo kịp thời việc tổng hợp tổng quyết toán ngân sách năm 2019 trên toàn địa bàn tỉnh, thống nhất về thời gian, mẫu biểu, đảm bảo chất lượng. Sở Tài chính đề nghị các đơn vị dự toán khối tỉnh, và các huyện, thành phố như sau:

5.1. Về Báo cáo thuyết minh quyết toán: Đề nghị các huyện xây dựng báo cáo thuyết minh và phải do Ủy ban nhân dân huyện ký; ngoài các nội dung giải trình, đánh giá cần làm rõ nguyên nhân đạt, không đạt hoặc vượt dự toán giao theo từng chỉ tiêu, lĩnh vực; trong đó chú ý thuyết minh chi tiết một số lĩnh vực chi như: chi đầu tư phát triển ngoài dự toán giao đầu năm, chi thường xuyên các lĩnh vực: giáo dục và đào tạo, y tế, sự nghiệp môi trường, sự nghiệp kinh tế, khoa học công nghệ, đảm bảo xã hội, y tế, Chương trình mục tiêu quốc gia ... phân tích kỹ các khoản chuyển nguồn ngân sách, kết dư ngân sách, thu khác ngân sách, chi khác ngân sách, chi dự phòng ngân sách ... những kiến nghị, đề xuất.

5.2. Báo cáo quyết toán thu, chi theo Mục lục ngân sách: Đề nghị các huyện, thành phố đối chiếu, rà soát từng khoản thu, chi, chương, loại, khoản, mục, tiểu mục với báo cáo quyết toán của Kho bạc nhà nước, đặc biệt chú ý đến các khoản thu điều tiết giữa các cấp ngân sách. Quyết toán chi ngân sách xã đề nghị không gộp vào chương 800 mà chi tiết cụ thể ra các chương. Các huyện, thành phố gửi file dữ liệu điện tử kho thu chi ngân sách cho Sở Tài chính và chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu báo cáo, khi báo cáo quyết toán có sửa đổi, bổ sung thì phải kịp thời gửi lại số liệu đã được sửa đổi, bổ sung.

5.3. Đối với các đơn vị dự toán khối tỉnh thực hiện đối chiếu và đảm bảo sự khớp đúng tình hình thực hiện ngân sách của đơn vị với Kho bạc nhà nước nơi đơn vị giao dịch về tổng số và chi tiết theo chương, loại, khoản, mục và tiểu mục của mục lục ngân sách hiện hành.

Riêng đối với kinh phí hoạt động của Đảng cộng sản Việt Nam trong năm ngân sách được cấp phát bằng hình thức lệnh chi tiền khi quyết toán thì phản ánh đúng với các nội dung chi theo mục lục ngân sách hiện hành đã được cơ quan tài chính cấp lệnh chi; trường hợp có điều chỉnh về loại - khoản - mục - tiểu mục so lệnh chi của Sở Tài chính đã cấp, đơn vị gửi văn bản đề nghị điều chỉnh đến cơ quan Tài chính trước ngày 10/2/2020. Cơ quan Tài chính thẩm định và gửi văn bản cho Kho bạc nhà nước cùng cấp để thực hiện điều chỉnh trên hệ thống Tabmis.

Trong đó các khoản thu ngân sách nhà nước phần phải hạch toán ghi thu, ghi chi vào ngân sách nhà nước thì phải làm thủ tục ghi thu, ghi chi vào ngân sách nhà nước của niên độ ngân sách 2019 theo chế độ quy định gửi cơ quan tài chính trước ngày 25/01/2020, cơ quan tài chính có trách nhiệm thẩm định, tổng hợp và làm thủ tục ghi thu ghi chi gửi Kho bạc nhà nước trước ngày 30/01/2020 theo đúng quy định tại Khoản 8, Điều 26, Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước. Chú ý các khoản thu, chi từ phần phí được khấu trừ và được để lại để trang trải chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí (theo chế độ quy định) không thuộc phạm vi thu, chi ngân sách nhà nước nên không thực hiện ghi thu, ghi chi ngân sách nhà nước.

Thuyết minh số liệu quyết toán tăng, giảm so với dự toán giao đầu năm.

5.4 Về biểu mẫu báo cáo quyết toán:

* **Biểu mẫu quyết toán:** Thực hiện theo mẫu biểu số 58 đến mẫu biểu số 70 phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước; biểu mẫu từ số 48 đến số 64 kèm theo Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23/3/2017 của Chính phủ Ban hành Quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính

– ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hằng năm.

Ngoài ra đề nghị huyện thực hiện biểu thuyết minh thêm như: thu khác ngân sách, chi khác ngân sách, kết dư ngân sách, chuyển nguồn ngân sách, chi chương trình mục tiêu quốc gia và một số mục tiêu, nhiệm vụ khác, quyết toán chi các chế độ chính sách..... Biểu thu khác ngân sách, phần thu khác còn lại thuyết minh rõ đơn vị nộp, nội dung nộp.

*** Thống nhất một số nội dung chi đưa vào các chỉ tiêu:**

a) Một số nội dung đưa vào biểu Chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu và các nhiệm vụ khác:

- Chương trình mục tiêu quốc gia, gồm:

+ Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững (Tách riêng vốn chương trình 30A, chương trình 135).

+ Chương trình mục tiêu quốc gia Nông thôn mới

Lưu ý: số quyết toán của từng chương trình, dự án đề nghị tách riêng từng dòng đối với từng nguồn kinh phí ngân sách Trung ương; ngân sách tỉnh (trong đó: Kinh phí đầu tư xây dựng; kinh phí xi măng giao thông,..), ngân sách huyện (trong đó: Kinh phí đầu tư xây dựng; kinh phí xi măng giao thông,..), ngân sách xã (trong đó: Kinh phí đầu tư xây dựng; kinh phí xi măng giao thông,..).

- Các nhiệm vụ khác gồm:

+ Chương trình mục tiêu giáo dục nghề nghiệp – việc làm và an toàn lao động;

+ Chương trình mục tiêu phát triển hệ thống trợ giúp xã hội;

+ Chương trình mục tiêu y tế dân số;

+ Chương trình mục tiêu phát triển văn hóa;

+ Chương trình mục tiêu đảm bảo trật tự an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy, phòng chống tội phạm và ma túy;

+ Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững;

+ Chương trình mục tiêu tái cơ cấu nông nghiệp và phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư;

+ Kinh phí vốn thuộc chương trình Nghị quyết 30a;

+ Hỗ trợ hộ nghèo nhà ở theo QĐ số 33/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ

+ Kinh phí hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg ngày 26/4/2013 của Thủ tướng chính phủ;

...

b) Một số nội dung đưa vào chi thường xuyên:

- Sự nghiệp Nông nghiệp: Kinh phí cấp bù thủy lợi phí, kinh phí hỗ trợ đất trồng lúa, kinh phí hỗ trợ phát triển sản xuất theo QĐ 06/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh, kinh phí bảo vệ rừng và khoanh nuôi rừng tái sinh, kinh phí khắc phục hậu quả hạn hán Đông xuân, kinh phí khắc phục hậu quả cơn bão (vốn sự nghiệp); **kinh phí hỗ trợ tiêu hủy, phòng chống dịch tả lợn Châu phi.**

- Sự nghiệp giao thông: Kinh phí tăng chiều dài km đường giao thông do huyện, xã quản lý, kinh phí hỗ trợ xi măng giao thông nông thôn, kinh phí sửa chữa, đảm bảo giao thông bước 1 do ảnh hưởng cơn bão.

- Sự nghiệp kiến thiết thị chính: kinh phí hỗ trợ kiến thiết thị chính để xây dựng hệ thống đèn chiếu sáng đô thị.

- Sự nghiệp kinh tế khác: Kinh phí an toàn giao thông.

- Sự nghiệp Văn hóa thông tin: Kinh phí xây dựng nhà văn hóa.

- Sự nghiệp thể dục thể thao: Kinh phí xây dựng sân thể thao.

- Sự nghiệp Giáo dục và đào tạo: Kinh phí miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của chính phủ, kinh phí học sinh bán trú theo nghị định 116/2016/NĐ-CP, kinh phí ăn trưa trẻ em 3, 4, 5 tuổi, chi phí học tập theo Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg ngày 11/11/2013, kinh phí thực hiện chính sách giáo dục đối với người khuyết tật thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo theo Thông tư liên tịch số 42/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31/12/2013, kinh phí hỗ trợ học sinh và trường phổ thông dân tộc bán trú (khối Tiểu học và THCS bao gồm cả kinh phí hỗ trợ nấu ăn theo Nghị quyết Số: 53/2017/NQ-HĐND ngày 21 tháng 7 năm 2017 của HĐND tỉnh; kinh phí chính sách nội trú đối với học sinh, sinh viên học cao đẳng, trung cấp theo Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg ngày 20/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ, kinh phí hướng dẫn một số chế độ tài chính đối với học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú các trường dự bị đại học dân theo Thông tư liên tịch số 109/2009/TTLT/BTC-BGDĐT ngày 29/5/2009. Chế độ chính sách hỗ trợ giáo viên mầm non trực tiếp dạy lớp ghép hoặc trực tiếp dạy tăng cường Tiếng Việt theo Nghị định số 06/2018/NĐ-CP ngày 05/1/2018 của Chính phủ.

- Sự nghiệp y tế: Hỗ trợ chạy thận, kinh phí Bảo hiểm y tế học sinh sinh viên; kinh phí thực hiện bảo hiểm y tế các đối tượng theo Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08/11/2005 và Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09/11/2011, kinh phí thực hiện bảo hiểm y tế đối tượng bảo trợ xã hội, kinh phí đảm bảo tài chính cho các hoạt động phòng chống HIV/AIDS.

- Đảm bảo xã hội: Kinh phí thực hiện chính sách đối với các đối tượng bảo trợ xã hội theo Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013, kinh phí hỗ trợ hộ nghèo, hộ chính sách tiền điện thấp sáng, Hữu xã, kinh phí hỗ trợ sinh con đúng chính sách; kinh phí chúc thọ mừng thọ.

- Quản lý hành chính: Kinh phí thi đua khen thưởng, kinh phí người có uy tín, kinh phí tặng huy hiệu đảng, kinh phí hỗ trợ các chi hội ở các thôn đặc biệt khó khăn theo Thông tư 49/2012/TT-BTC, kinh phí quản lý biên chế, tiền lương,

kinh phí hỗ trợ cơ sở vật chất các cơ quan quản lý hành chính, kinh phí hỗ trợ biên soạn xuất bản lịch sử Đảng bộ và lịch sử truyền thống các huyện, thành phố;

- Chi khác ngân sách: Kinh phí xử lý vi phạm hành chính, kinh phí hỗ trợ lãi suất đàn bò, trồng cây ...

c) Một số nội dung đưa vào chi đầu tư phát triển:

- Kinh phí đầu tư xây dựng cơ bản tập trung

trong đó:

+ Chi Giáo dục và Đào tạo

+ Chi Khoa học và Công nghệ

+ Kinh phí theo Nghị quyết số 03/2016/NQ-HĐND ngày 29/7/2016.

- Chi đầu tư xây dựng cơ bản từ nguồn thu tiền sử dụng đất

- Chi đầu tư xây dựng cơ bản từ nguồn thu xổ số kiến thiết

- Chi đầu tư xây dựng cơ bản từ nguồn vượt thu

- Chi đầu tư xây dựng cơ bản từ nguồn vốn khác

d) Quyết toán một số chế độ, chính sách tại ngân sách cấp xã (chi tiết theo biểu đính kèm)

- Biểu quyết toán số lượng, phụ cấp những người hoạt động không chuyên trách cấp xã, cấp thôn.

- Biểu quyết toán phụ cấp và công tác huấn luyện dân quân tự vệ.

e) Đối với đơn vị dự toán khối tỉnh sử dụng các mẫu biểu báo cáo tài chính và báo cáo đầy đủ thuyết minh quyết toán cụ thể các nhiệm vụ chi, các khoản kinh phí đơn vị được sử dụng trong niên độ ngân sách 2019 theo chi tiết từng nguồn kinh phí (kinh phí thường xuyên được đảm bảo từ ngân sách, kinh phí chương trình mục tiêu, kinh phí từ nguồn thu được để lại đơn vị ghi thu ghi chi...) và gửi kèm biên bản xét duyệt báo cáo quyết toán các đơn vị trực thuộc.

6. Thời gian gửi báo cáo, thẩm định, xét duyệt quyết toán ngân sách hằng năm:

6.1 Thời gian gửi báo cáo, thẩm định, xét duyệt quyết toán ngân sách hằng năm được thực hiện theo điều 10, tại Quyết định số 52 /2018/QĐ-UBND ngày 05 tháng 9 năm 2018 của UBND tỉnh.

6.2 Thời hạn phê chuẩn quyết toán và gửi báo cáo quyết toán của ngân sách cấp huyện, cấp xã thực hiện theo khoản 3, điều 1 Nghị quyết số 57/2017/NQ-HĐND ngày 11/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

6.3 Các huyện, thành phố gửi báo cáo quyết toán thu, chi ngân sách năm 2019 về phòng Quản lý ngân sách - Sở Tài chính trước ngày 30/4/2020, bao gồm cả file điện tử.

6.4 Đối với đơn vị dự toán thuộc khối tỉnh gửi báo cáo quyết toán về Phòng Tài chính hành chính sự nghiệp - Sở Tài chính trước ngày 25/02/2020 đối với đơn vị dự toán có đơn vị trực thuộc; trước ngày 10/02/2020 đối với các đơn vị dự toán không có đơn vị trực thuộc .

Quá thời hạn trên, các đơn vị, huyện, thành phố chưa gửi báo cáo quyết toán ngân sách làm ảnh hưởng đến tiến độ báo cáo tổng quyết toán toàn tỉnh, Sở Tài chính sẽ yêu cầu Kho bạc nhà nước tạm dừng việc chuyển kinh phí bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh cho ngân sách cấp các đơn vị, các huyện, thành phố; đồng thời tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét xử lý theo quy định.

Sau khi thực hiện kiểm tra, trường hợp báo cáo quyết toán các đơn vị, các huyện, thành phố không đảm bảo đầy đủ các biểu mẫu, báo cáo, các thuyết minh, giải trình hoặc các biểu mẫu chưa chính xác, còn có sự chênh lệch giữa báo cáo theo mục lục ngân sách với báo cáo Kho bạc nhà nước... Sở Tài chính sẽ trả lại các huyện, thành phố để tiếp tục thực hiện đối chiếu, điều chỉnh lại.

7. Các huyện, thành phố có nhiệm vụ sắp xếp lại các đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn theo Đề án số 08/ĐA-UBND ngày 29/8/2019 của UBND tỉnh Lạng Sơn về sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2019-2021 của tỉnh hướng dẫn các đơn vị hành chính cấp xã đã sáp nhập thực hiện quyết toán theo công văn số 2556/STC-QLNS ngày 23/12/2019 của Sở Tài chính về việc thực hiện khóa sổ và thực hiện Quyết toán ngân sách nhà nước năm 2019.

8. Ngoài các nội dung hướng dẫn trên, các nội dung khác thực hiện theo quy định tại công văn số 7392/KBNN-KTNN ngày 25/12/2019 của Bộ Tài chính V/v hướng dẫn công tác khóa sổ kế toán niên độ 2019 trên TABMIS và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc đề nghị đơn vị dự toán khối tỉnh; các huyện, thành phố trao đổi lại với Sở Tài chính để cùng thống nhất thực hiện.

Đề nghị các đơn vị dự toán khối tỉnh, Phòng Tài chính kế hoạch các huyện, thành phố nghiêm túc triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- UBND các huyện, thành phố (chỉ đạo thực hiện);
- Lãnh đạo Sở;
- KBNN tỉnh (P/hợp);
- Chánh Văn phòng;
- Các Phòng thuộc Sở;
- Lưu VT, QLNS.

GIÁM ĐỐC

Đoàn Thu Hà